STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	22T6010011	Nguyễn Thị Yến Nhi	LLCTLS2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	E301	**5,0**	**9,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
2	22T6090031	Đinh Thị Bình	QLN2013	Quản trị học	1	E306	**6,0**	**6,0**	
3	21T6100001	Trần Thị Tùng Chi	QLN3062	Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và an toàn xã hội	1	E306	**6,0**	**7,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
4	22T1020506	Lê Quang Tuyến	LLCTLS2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	H110	**4,0**	**4,0**	
5	21T1020093	Lê Đình Trung	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	B303	**5,5**	**5,5**	
6	22T1020506	Lê Quang Tuyến	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	B303	**7,0**	**7,0**	
7	22T1020783	Phạm Bảo Trung	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	H110	**4,0**	**5,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
8	22T1020218	Nguyễn Hoàng Long	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	H108	**7,0**	**7,0**	
9	22T1020318	Trương Đình Phú	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1	H109	**7,5**	**7,5**	
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									
21									
22									
23									
24									
25									
26									
27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	20T1020523	Lê Viết Vinh Quang	TOA2023	Xác suất thống kê -	11	E303	**3,0**	**3,0**	
2	22T1020807	Mai Thanh Thịnh	TOA2023	Xác suất thống kê -	10	E301	**2,5**	**3,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
3	23T1020249	Lê Thị Thanh Huyền	TOA1023	Đại số tuyến tính	2	B303	**1,5**	**2,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
4	22T1020175	Phan Minh Nhật Khoa	TOA2023	Xác suất thống kê	6	H303	**5,5**	**6,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
5	22T1020361	Nguyễn Văn Nhật Quang	TOA2023	Xác suất thống kê	6	H304	**1,3**	**1,3**	
6	22T1020361	Nguyễn Văn Nhật Quang	TOA1023	Đại số tuyến tính	6	H208	**1,0**	**1,0**	
7	22T1020745	Bạch Thị Thiện Thanh	TOA2023	Xác suất thống kê	4	H208	**8,0**	**9,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
8	22T1020180	Lê Hoàng Khôi	TOA2023	Xác suất thống kê	4	H208	**1,5**	**1,5**	
9	22T1020019	Lê Ngọc Ánh	TOA2023	Xác suất thống kê	5	H210	**1,8**	**1,8**	
10	22T1020243	Trần Văn Mỹ	TOA2023	Xác suất thống kê	7	H309	**0,5**	**0,5**	
11	23T1020554	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TOA1023	Đại số tuyến tính	4	H203	**1,0**	**1,0**	
12	22T1020606	Hoàng Trọng Hiếu	TOA2033	Phương pháp tính	4	E303	**4,0**	**4,0**	
13	22T1020046	Vương Văn Cường	TOA2023	Xác suất thống kê	5	H210	**3,5**	**3,5**	
14	21T1020807	Nguyễn Đại Tuấn	TOA2023	Xác suất thống kê	5	H302	**1,3**	**1,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
15	22T1020711	Lê Quang	TOA2023	Xác suất thống kê	7	H309	**5,0**	**5,0**	
16	22T1020444	Hoàng Kim Thiên	TOA2023	Xác suất thống kê	7	H310	**8,0**	**8,0**	
17	22T1020268	Ngô Thị Thanh Nhàn	TOA2033	Phương pháp tính	1	H201	**3,0**	**3,0**	
18	22T1020662	Ngô Thị Cẩm Ly	TOA2033	Phương pháp tính	2	E301	**5,0**	**5,0**	
19	22T1020468	Trần Dương Quách Tĩnh	TOA2033	Phương pháp tính	2	E302	**6,0**	**6,0**	
20	22T1020046	Vương Văn Cường	TOA2033	Phương pháp tính	4	E303	**2,0**	**2,0**	
21	22T1020002	Trương Thuận An	TOA2033	Phương pháp tính	5	B301	**6,0**	**6,0**	
22									
23									
24									
25									
26									
27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									
42									
43									
44									
45									
46									
47									
48									
49									
50									
51									
52									
53									
54									
55									
56									
57									
58									
59									
60									
61									
62									
63									
64									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
65									
66									
67									
68									
69									
70									
71									
72									
73									
74									
75									
76									
77									
78									
79									
80									
81									
82									
83									
84									
85									
86									
87									
88									
89									
90									
91									
92									
93									
94									
95									
96									
97									
98									
99									
100									
101									
102									
103									
104									
105									
106									
107									
108									
109									
110									
111									
112									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	20T1020678	Đoàn Văn Dũng	TIN4112	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	1	H207	**4,5**	**4,5**	
2	20T1020435	Hoàng Mạnh Lâm	TIN4112	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	1	H208	**3,0**	**5,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
3	20T1020670	Nguyễn Nhật Sơn	TIN4112	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	1	H209	**4,5**	**4,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
4	20T1020553	Nguyễn Đắc Thắng	TIN4112	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	1	H210	**1,0**	**1,0**	
5	17T1021072	Lê Hữu Hậu	TIN4112	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	2	H302	**2,5**	**2,5**	
6	20T1020226	Nguyễn Đức Phúc	TIN3113	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	1	E301	**2,5**	**2,5**	
7	22T1020164	Nguyễn Đăng Huỳnh	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	1	E201	**4,5**	**4,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
8	22T1020606	Hoàng Trọng Hiếu	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	10	H209	**4,5**	**4,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
9	22T1020153	Phan Văn Quốc Huy	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	1	E201	**3,5**	**3,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
10	22T1020006	Ngô Văn An	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	11	H304	**2,0**	**1,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
11	22T1080046	Võ Luân	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	11	H307	**7,5**	**7,5**	
12	22T1080085	Lê Nguyễn Mỹ Quý	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	11	H307	**5,5**	**5,5**	
13	22T1110015	Nguyễn Đức Thắng	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	12	H303	**2,3**	**2,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
14	22T1020253	Phạm Năng	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	6	H202	**6,0**	**5,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
15	22T1080051	Lê Viết Nguyên Thành	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	6	H203	**2,0**	**2,0**	
16	22T1020354	Hoàng Anh Quân	TIN4012	Thiết kế cơ sở dữ liệu	2	E301	**8,0**	**8,0**	
17	21T1020124	Trần Thành Đạt	TIN4012	Thiết kế cơ sở dữ liệu	3	H208	**2,5**	**2,5**	
18	22T1020218	Nguyễn Hoàng Long	TIN4012	Thiết kế cơ sở dữ liệu	9	E306	**8,5**	**8,5**	
19	22T1020318	Trương Đình Phú	TIN4012	Thiết kế cơ sở dữ liệu	9	E404	**8,5**	**8,5**	
20	22T1020131	Lê Nhữ Hoàng	TIN3084	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán -	13	H309	**6,5**	**6,5**	
21	21T1020089	Nguyễn Vũ Bảo Trâm	TIN4183	Kiểm định phần mềm	3	H301	**5,5**	**6,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
22	21T1020093	Lê Đình Trung	TIN4183	Kiểm định phần mềm	3	H302	**4,0**	**4,0**	
23	21T1020791	Lê Minh Tú	TIN3133	Đồ họa máy tính	1	H108	**5,0**	**7.8**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
24									
25									
26									
27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									
42									
43									
44									
45									
46									
47									
48									
49									
50									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	20T6050154	Ngô Ngọc Quỳnh Như	BAO2032	Báo chí và thông tin quốc tế	2	E304	**3,5**	**4,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
2	21T6050041	Hồ Văn Hải Cường	BAO3372	Kinh tế báo chí	1	B301	**6,0**	**6,0**	
3	22T6110037	Lê Thị Kim Oanh	BAO4222	Tổ chức sự kiện	1	[T] B210	**9,0**	**9,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
4	22T6110003	Đoàn Thị Thuỳ Dung	BAO4222	Tổ chức sự kiện	1	[T] B201	**9,0**	**9,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
5	22T6110018	Trương Ngọc Hoàng	BAO4222	Tổ chức sự kiện	1	[T] B201	**9,0**	**9,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	23T6100040	Dương Văn Nhật Vũ	XHH2023	Các vấn đề xã hội đương đại	1	H308	**3,0**	**3,0**	
2	23T6100047	Nguyễn Cửu Ngọc Phước	XHH2023	Các vấn đề xã hội đương đại	1	H308	**1,5**	**1,5**	
3	23T6050095	Đặng Quang Nhật	XHH1022	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	1	E306	**6,3**	**6,3**	
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	21T3070007	Lê Nguyệt Khánh	MTR3182	Quy hoạch bảo vệ môi trường	1	E303	**2,5**	**3,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	#N/A								
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									
21									
22									
23									
24									
25									
26									
27									
28									
29									
30									
31									
32									
33									
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									
42									
43									
44									
45									
46									
47									
48									
49									
50									
51									
52									
53									
54									
55									
56									
57									
58									
59									
60									
61									
62									
63									
64									
65									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	19T3071005	Lê Thị Minh Trang	HOA2012	Hoá học hữu cơ	1	E304	**2,0**	**2,0**	
2	21T2010011	Tôn Thị Thanh Thuỷ	HOA3232	Hóa học các hợp chất hữu cơ có hoạt tính	1	E201	**4,5**	**4,5**	
3	21T2010004	Nguyễn Hà Trang	HOA3232	Hóa học các hợp chất hữu cơ có hoạt tính	1	E201	**6,0**	**6,0**	
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	#N/A								
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	22T1050007	Nguyễn Tấn Anh Quốc	DTV3412	Kỹ thuật siêu cao tần	1	E301	**1,5**	**1,5**	
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	23T6030013	Lê Xuân Trường	HAN2023	Hán Nôm căn bản	1	B302	**7,3**	**8,3**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
2	23T6050095	Đặng Quang Nhật	VAN1012	Mỹ học đại cương	1	B306	**4,0**	**3,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	23T3040019	Lê Thị Thuỳ Trang	CNS3013	Nhập môn công nghệ sinh học	1	E201	**0,3**	**0,3**	
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	23T6030013	Lê Xuân Trường	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	1	E303	**5,0**	**4,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã học phần	Tên học phần	Nhóm	Phòng thi	Điểm thi lần đầu	Điểm thi sau PK	Ghi chú
1	22T6120006	Hà Bảo Ngọc	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	E201	**1,0**	**1,0**	
2	21T1020210	Đỗ Thị Diệu Ái	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương -	10	H210	**6,5**	**8,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
3	21T1020025	Lê Văn Hành	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương -	10	H210	**4,0**	**4,0**	
4	21T1020690	Nguyễn Bùi Xuân Thắng	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương -	10	H302	**5,5**	**5,5**	
5	21T1020761	Lê Thị Bảo Trâm	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương -	10	H302	**7,0**	**7,5**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
6	21T2030004	Trần Văn Đạt	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	E201	**0,0**	**4,0**	Sinh viên nhận lại lệ phí phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCLGD
7									
8									
9									
10									
11									
12									